

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THANH TRA

Số: 156 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại Công ty TNHH Royal Foods Việt Nam

Thực hiện Quyết định số 210/QĐ-TTr ngày 26/4/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 16/5/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) tại Công ty TNHH Royal Foods Việt Nam; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 10/6/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị sử dụng lao động: Công ty TNHH Royal Foods Việt Nam (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Địa chỉ trụ sở chính: lô 19 - 20, khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
- Số điện thoại liên hệ: 02733.953.695.
- Loại hình doanh nghiệp: công ty trách nhiệm hữu hạn.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200537749 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 10/3/2023.
- Chi nhánh/văn phòng đại diện: không.
- Lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Tài khoản số 7110125243, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Tho, địa chỉ: số 34 - 36 Lê Lợi, Phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác quản lý, sử dụng người lao động Việt Nam

Tổng số người làm việc tại thời điểm thanh tra: 450 người.

(Handwritten mark)

- Số lao động thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động (sau đây viết tắt là HĐLĐ): 449 người, trong đó:

+ HĐLĐ xác định thời hạn dưới 01 tháng: 37 người;

+ HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng (HĐLĐ xác định thời hạn 02 tháng): 08 người;

+ HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 36 người;

+ HĐLĐ không xác định thời hạn: 368 người.

- Hợp đồng thử việc: 01 người.

- Hợp đồng học nghề, hợp đồng tập nghề: 0 người.

- Số người thuộc diện giao kết HĐLĐ nhưng chưa giao kết: 0 người.

- Số người không thuộc diện giao kết HĐLĐ: 01 người đang thử việc.

- Kiểm tra HĐLĐ đã giao kết với người lao động (Võ Thanh Trường), một số nội dung trong HĐLĐ không phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể: mục thời gian làm việc ghi “8 giờ/ngày”; mục trang bị bảo hộ lao động ghi “Theo yêu cầu công việc”.

2. Công tác quản lý, sử dụng người lao động nước ngoài (sau đây viết tắt là NLĐNN)

2.1. Việc giải trình về nhu cầu/thay đổi nhu cầu sử dụng lao động; chấp thuận/không chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động

- Số NLĐNN theo văn bản giải trình về nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN của doanh nghiệp:

TT	Số NLĐNN theo văn bản giải trình	Vị trí công việc	Số lượng	Thời gian làm việc	
				Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
1	06	Nhà quản lý	01	28/8/2023	28/8/2025
		Giám đốc điều hành	01	07/12/2023	07/12/2025
		Giám đốc điều hành	01	02/2023	02/2025
		Chuyên gia	01	10/9/2023	10/9/2025
		Chuyên gia	01	06/9/2023	06/9/2025
		Chuyên gia	01	18/12/2023	18/12/2025
2	02	Chuyên gia	02	4/2023	4/2025
3	01	Lao động kỹ thuật	01	01/6/2023	01/6/2025
4	01	Chuyên gia	01	25/4/2024	24/4/2026

- Số NLĐNN được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN của doanh nghiệp:

TT	Số NLĐNN theo văn bản chấp thuận	Vị trí công việc	Số lượng	Thời gian làm việc	
				Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
1	06	Nhà quản lý	01	28/8/2023	28/8/2025
		Giám đốc điều hành	01	07/12/2023	07/12/2025
		Giám đốc điều hành	01	02/2023	02/2025
		Chuyên gia	01	10/9/2023	10/9/2025
		Chuyên gia	01	06/9/2023	06/9/2025
		Chuyên gia	01	18/12/2023	18/12/2025
2	02	Chuyên gia	02	4/2023	4/2025
3	01	Lao động kỹ thuật	01	01/6/2023	01/6/2025
4	01	Chuyên gia	01	25/4/2024	24/4/2026

2.2. Tổng số NLĐNN doanh nghiệp sử dụng tại thời điểm thanh tra

Tổng số NLĐNN doanh nghiệp sử dụng tại thời điểm thanh tra: 12 người (02 NLĐNN làm việc theo văn bản chấp thuận trước ngày 01/01/2023), trong đó:

- Số NLĐNN đã được cấp giấy phép lao động: 11 người (06 người cấp mới, 05 người gia hạn).

- Số NLĐNN không thuộc diện cấp giấy phép lao động: 01 người, kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, đã được cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

- Số NLĐNN chưa được cấp giấy phép lao động: 0 người.

- Việc thu hồi và nộp lại giấy phép lao động hết hiệu lực cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền: doanh nghiệp đã nộp lại 01 giấy phép lao động cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tiền Giang (giấy phép lao động cấp cho SAMOSORN KARNJANA, số giấy phép 026872/BQL - GP).

2.3. Về giao kết HĐLĐ với NLĐNN

- Số NLĐNN thuộc diện giao kết HĐLĐ: 12 người, trong đó:

+ HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người;

+ HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng: 0 người;

+ HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên: 12 người.

- Số NLĐNN thuộc diện giao kết HĐLĐ nhưng chưa giao kết: 0 người.

- Số NLĐNN không thuộc diện giao kết HĐLĐ: 0 người.
- Kiểm tra, xác minh 12 HĐLĐ doanh nghiệp đã giao kết với NLĐNN đảm bảo các nội dung như giấy phép lao động đã được cấp và các quy định pháp luật liên quan.

3. Việc quản lý, báo cáo tình hình sử dụng lao động

- Doanh nghiệp đã lập, cập nhật, quản lý, sử dụng sổ quản lý lao động bản điện tử.
- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tiền Giang, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang, Bảo hiểm xã hội tỉnh Tiền Giang.
- Đã báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình sử dụng NLĐNN với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tại địa phương.

III. VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG VỀ TIỀN LƯƠNG, BHXH, BHTNLĐ-BNN, BHTN, BHYT

1. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTNLĐ-BNN, BHTN, BHYT

1.1. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTNLĐ-BNN, BHTN, BHYT đối với người lao động Việt Nam

- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHTNLĐ-BNN, BHYT: 409 người.
- Số lao động đã tham gia BHXH, BHTNLĐ-BNN, BHTN, BHYT: 409 người.
- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTNLĐ-BNN, BHTN, BHYT nhưng chưa tham gia: 0 người.
- Số lao động không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHTNLĐ-BNN, BHYT: 41 người, trong đó 01 người thử việc, 37 người giao kết HĐLĐ có thời hạn dưới 01 tháng, 03 người đang hưởng lương hưu.

1.2. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTNLĐ-BNN, BHYT cho NLĐNN

- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTNLĐ-BNN, BHYT: 11 người.
- Số lao động đã tham gia BHXH, BHTNLĐ-BNN, BHYT: 11 người.
- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTNLĐ-BNN, BHYT nhưng chưa tham gia: 0 người.
- Số lao động không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTNLĐ-BNN, BHYT: 01 người không thuộc diện cấp giấy phép lao động, chỉ tham gia BHYT.

2. Tiền lương và việc trích, nộp vào quỹ BHXH, BHTN, BHYT

2.1. Tiền lương:

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.160.000 đồng/người/tháng.
- Các loại phụ cấp lương đang áp dụng: phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp tay nghề.

- Các khoản bổ sung khác được trả hằng tháng vào lương cho người lao động: không.

- Các khoản hỗ trợ: tiền nhu yếu phẩm, xăng xe, nhà ở.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (trả theo tháng).

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Việc trả cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền cho người lao động tương đương với mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động không thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT theo quy định của pháp luật:

+ Đã trả khoản tiền tương đương mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động giao kết HĐLĐ có thời hạn dưới 01 tháng, người lao động đang hưởng lương hưu.

+ Đã trả khoản tiền tương đương mức người sử dụng lao động đóng BHTN, BHYT cho người lao động giao kết HĐLĐ có thời hạn 02 tháng.

+ Đã trả khoản tiền tương đương mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHTN cho người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động; đã trả khoản tiền tương đương mức người sử dụng lao động đóng BHTN cho những NLĐNN còn lại.

2.2. Việc trích, nộp vào quỹ BHXH, BHTN, BHYT từ tiền lương của người lao động

- Việc trích tiền lương tháng đóng BHXH, BHTN, BHYT:

+ Các khoản trích đóng vào quỹ BHXH, BHTN, BHYT: mức tiền lương ghi trong HĐLĐ, phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp tay nghề;

+ Các khoản không đóng BHXH, BHTN, BHYT: tiền ăn ca, xăng xe, nhà ở, nuôi giữ trẻ.

- Việc nộp BHXH, BHTN, BHYT

+ Số tiền phải đóng: 13.405.546.673 đồng;

+ Số tiền đã đóng: 13.405.546.673 đồng;

+ Số tiền chậm đóng tại thời điểm thanh tra: 0 đồng

- Số tiền bị xử phạt vi phạm hành chính do chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT: không phát sinh.

- Đã niêm yết công khai định kỳ 06 tháng thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của người lao động.

3. Việc giải quyết các chế độ BHXH đối với người lao động:

- Số lao động đã được doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị và được cơ quan BHXH giải quyết các chế độ BHXH: 568 lượt người, số tiền: 985.599.308 đồng, trong đó: chế độ thai sản: 48 lượt người, số tiền: 625.575.243 đồng; chế độ ốm

đầu: 507 lượt người, số tiền 319.596.065 đồng; chế độ dưỡng sức: 13 người, số tiền: 40.428.000 đồng; chế độ hưu trí: 0 người, số tiền 0 đồng.

- Số lao động đã được doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị nhưng không được cơ quan BHXH giải quyết các chế độ BHXH: 0 người.

- Số tiền hưởng các chế độ BHXH của người lao động đã được cơ quan BHXH giải quyết nhưng doanh nghiệp chưa chi trả: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đối với người lao động Việt Nam

1.1.1. Đã giao kết HĐLĐ với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết HĐLĐ theo quy định.

1.1.2. Đã lập, cập nhật, quản lý, sử dụng sổ quản lý lao động.

1.1.3. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho 100% số người thuộc đối tượng phải tham gia; đã nộp đủ số tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho cơ quan BHXH.

1.1.4. Đã trả lương cho người lao động đúng quy định.

1.1.5. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.1.6. Đã trích nộp tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN đầy đủ, đúng quy định.

1.1.7. Đã đề nghị giải quyết các chế độ BHXH cho người lao động đầy đủ, kịp thời.

1.2. Đối với NLĐNN:

1.2.1. Đã xác định nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được và đã được chấp thuận về việc sử dụng NLĐNN đối với từng vị trí công việc.

1.2.2. Đã làm thủ tục đề nghị cấp, gia hạn giấy phép lao động và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lao động cho NLĐNN thuộc diện cấp giấy phép lao động.

1.2.3. Đã thu hồi và nộp lại giấy phép lao động hết hiệu lực cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tiền Giang.

1.2.4. Đã báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình sử dụng NLĐNN với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tại địa phương.

1.2.5. Đã giao kết HĐLĐ với toàn bộ NLĐNN thuộc đối tượng phải giao kết HĐLĐ theo quy định.

1.2.6. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tham gia BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN cho 100% số NLĐNN thuộc đối tượng phải tham gia; đã nộp đủ số tiền BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN cho cơ quan BHXH.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

Nội dung HĐLĐ giao kết với người lao động chưa đảm bảo quy định: mục thời gian làm việc ghi “8 giờ/ngày”; mục trang bị bảo hộ lao động ghi “Theo yêu cầu công việc” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, hướng dẫn tại Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

1. Khắc phục xong các sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này trước ngày 31/7/2024.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra (gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan) đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 05/8/2024. /.

Nơi nhận: *WPC*

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Anh Tuấn